

Số: /TM-KSBT

Thái Nguyên, ngày tháng 9 năm 2025

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Về việc mua gói Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc tại cơ sở 2 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Căn cứ Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 của Thủ tướng Chính phủ về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ nhu cầu thực tế Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên kính mời các nhà cung cấp gửi bản báo giá dự toán theo các tiêu chí sau:

1. Danh mục dịch vụ: Chi tiết tại phụ lục đính kèm.

2. Hiệu lực báo giá: 01 bản báo giá chi tiết về danh mục tài sản có đóng dấu treo, giá trị trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày gửi bản chào giá.

3. Thời gian và hình thức nộp báo giá: Trước 11 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 9 năm 2025 qua thư điện tử (tochucytdp@gmail.com) hoặc bản gốc của báo giá nộp trực tiếp tại phòng văn thư, tầng 1, tòa nhà A2 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ: Số 971, đường Dương Tự Minh, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên. Điện thoại: 0915.130.836

4. Giá dự toán gói dịch vụ: Bao gồm các loại thuế và tất cả các chi phí phát sinh khác có liên quan.

5. Thanh toán: Thanh toán 01 lần bằng hình thức chuyển khoản Việt Nam đồng sau khi 2 bên đã ký biên bản nghiệm thu công việc và đơn vị cung cấp dịch vụ bàn giao đầy đủ các giấy tờ liên quan theo quy định để làm chứng từ thanh toán.

6. Hình thức Hợp đồng: Trọn gói.

7. Thời gian thực hiện hợp đồng: 05 ngày kể từ ngày ký kết.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái Nguyên trân trọng cảm ơn và mong nhận được sự hợp tác từ Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KHNV;
- Trang TTĐT <https://ttkiemsoatbenhtat.thainguyen.vn/>;
- Lưu: VT, TC-HC.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Anh

PHỤ LỤC DANH MỤC TÀI SẢN MUA BẢO HIỂM CHÁY NỔ

(Kèm theo Thư mời số: /TM-KSBT ngày /9 /2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thái nguyên)

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Năm sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Hao mòn khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	PHÒNG TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH						
1	Nhà làm việc Nhà A - (BK)	T55016037-203-5084	2009	1	4.517.258.000	1.993.006.006	2.524.251.994
2	Nhà xét nghiệm và hệ thống xử lý chất thải lỏng y tế Nhà E (BK)	T55016037-204-5093	2018	1	4.828.599.600	1.545.151.872	3.283.447.728
3	Trung tâm PC HIV/AIDS Nhà D(BK)	T55016037-204-5087	2009	1	9.309.321.000	4.840.846.920	4.468.474.080
4	Nhà làm việc (TTPCBXH) Nhà B(BK)	T55016037-204-5086	2007	1	4.986.980.000	3.191.667.200	1.795.312.800
5	Hệ thống cầu truyền hình HT Nhà A(BK)	T55016037-60339-4127	2021	1	17.700.000	7.775.358	9.924.642
6	Máy tính để bàn ĐNA (Nông Văn Tài) (BK)	T55016037-60339-3975	2023	1	11.050.000	4.420.000	6.630.000
7	Màn hình ti vi LG 75 inch - HT Nhà A (BK)	T55016037-6020204-5004	2024	1	19.690.000		19.690.000
8	Máy chủ (BK)	T55016037-6020222-4093	2018	1	111.072.997	97.188.875	13.884.122
	Tổng cộng			8	23.801.671.597	11.680.056.231	12.121.615.366
II	KHOA DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ						
1	Tủ lạnh TCW4000AC (BK)	T55016037-60339-3393	2020	1	90.733.765	56.708.604	34.025.161
2	Tủ lạnh TCW4000AC (BK)	T55016037-60339-3394	2020	1	90.733.765	56.708.604	34.025.161
3	Tủ lạnh TCW4000AC (BK)	T55016037-60339-3396	2020	1	90.733.765	56.708.604	34.025.161
4	Tủ lạnh TCW4000AC (BK)	T55016037-60339-3395	2020	1	90.733.765	56.708.604	34.025.161
5	Tủ lạnh TCW4000AC (BK)	T55016037-60339-3392	2020	1	90.733.765	56.708.604	34.025.161
6	Tủ bảo quản vacxin TCW80AC (BK)	T55016037-60339-3382	2021	1	74.373.678	37.186.840	37.186.838
	Tổng cộng			6	528.042.503	320.729.860	207.312.643
III	KHOA XN - CDHA - TDCN						
1	Hệ thống báo cháy (BK)	T55016037-60337-3755	2018	1	91.553.000	80.108.875	11.444.125
2	Hệ thống Real-time PCR (BK)	T55016037-60339-3812	2021	1	1.050.000.000	481.250.000	568.750.000
3	Máy phá mẫu bằng vi sóng (BK)	T55016037-60339-3875	2019	1	1.120.000.000	840.000.000	280.000.000
4	Bộ lưu điện cho máy geneXper (BK)	T55016037-60339-3779	2024	1	37.350.000	4.668.750	32.681.250

STT	Tên tài sản	Mã tài sản	Năm sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Hao mòn khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
5	Máy tách chiết Acid Nucleic (BK)	T55016037-60339-3884	2021	1	700.000.000	320.833.334	379.166.666
6	Hệ thống máy xử lý chất thải lỏng Y tế (BK)	T55016037-60339-3810	2018	1	485.000.000	424.375.000	60.625.000
7	Máy tách chiết tinh sạch ADN/ARN và protein tự động (BK)	T55016037-60339-3885	2020	1	730.000.000	412.450.000	317.550.000
	Tổng cộng			7	4.213.903.000	2.563.685.959	1.650.217.041
IV	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA						
1	Máy XQuang kỹ thuật số (BK)	T55016037-60339-3419	2022	1	2.280.000.000	806.142.858	1.473.857.142
2	Máy sinh hiển vi khám mắt (BK)	T55016037-60339-3616	2025	1	345.900.000		345.900.000
3	Máy X Quang di động kỹ thuật số xách tay (BK)	T55016037-60339-3418	2024	1	595.000.000	74.375.000	520.625.000
4	Máy đọc phim x quang lao phổi tự động (BK)	T55016037-60339-3412	2024	1	388.000.000	48.500.000	339.500.000
5	Máy siêu âm màu 4D (BK)	T55016037-60339-3465	2018	1	773.000.000	611.958.334	161.041.666
	Tổng cộng			5	4.381.900.000	1.540.976.192	2.840.923.808
	<i>cơ sở methadone</i>						
1	Tủ thuốc Methadone 2 cửa 3 lần khóa	T55016037-60336-3352	2024	1	25.000.000	3.125.000	21.875.000
2	Bơm chia liều thuốc Methadone	T55016037-60339-3346	2020	1	19.825.000	11.201.125	8.623.875
3	Bơm chia liều thuốc Methadone	T55016037-60339-3345	2020	1	19.825.000	11.201.125	8.623.875
4	Tủ thuốc Methadone 4 cửa 3 lần khóa	T55016037-60336-3353	2024	1	38.000.000	4.750.000	33.250.000
	Cộng			4	102.650.000	30.277.250	72.372.750
	TỔNG CỘNG			30	33.028.167.100	16.135.725.492	16.892.441.608

Số tiền bằng chữ:.....
(Giá trên đã bao gồm tiền thuế VAT và các chi phí khác)